

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUẢNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/QĐ-UBND

Quảng Nghiệp, ngày 01 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách xã
6 tháng đầu năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 64/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Nghiệp về việc thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2020;

Theo đề nghị của của ông cán bộ Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2018 của xã Quảng Nghiệp (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

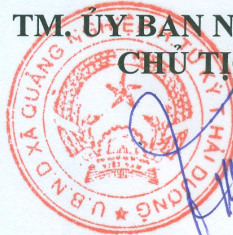
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Cán bộ Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Chí Mạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG NĂM 2020

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	14.942.745	4.880.815	32,7%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	130.000	23.745	18,3%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	3.478.000	1.769.888	50,9%
3	Thu bổ sung	11.170.745	2.931.171	26,2%
	- Thu bổ sung cân đối	3.433.000	1.748.000	50,9%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	7.737.745	1.183.171	15,3%
4	Thu chuyển nguồn	164.000	156.011	95,1%
5	Thu kết dư ngân sách năm trước			
II	TỔNG SỐ CHI	14.942.745	4.557.313	30,5%
1	Chi đầu tư phát triển	11.201.745	2.722.789	24,3%
2	Chi thường xuyên	3.688.000	1.834.524	49,7%
3	Dự phòng	53.000		0,0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG NĂM 2020

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020		ƯỚC THỰC HIỆN (06 THÁNG, NĂM 2020)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	22.662.495	14.942.745	8.795.315	4.880.815	38,8%	32,7%
I	Các khoản thu 100%	130.000	130.000	23.745	23.745	18,3%	18,3%
	Phí, lệ phí	30.000	30.000	3.843	3.843	12,8%	12,8%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	65.000	65.000				
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	35.000	35.000	19.902	19.902	56,9%	56,9%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	11.197.750	3.478.000	5.684.388	1.769.888	50,8%	50,9%
1	Các khoản thu phân chia	99.000	99.000	37.352	37.352	37,7%	37,7%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.000	9.000	9.057	9.057	100,6%	100,6%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000	10.000	10.300	10.300	103,0%	103,0%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	80.000	80.000	17.995	17.995	22,5%	22,5%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	11.098.750	3.379.000	5.647.036	1.732.536	50,9%	51,3%
	- Thuế giá trị gia tăng	66.250	53.000	47.199	37.759	71,2%	71,2%
	- Thu tiền sử dụng đất	11.000.000	3.300.000	5.570.184	1.671.055	50,6%	50,6%
	- Thuế thu nhập cá nhân	32.500	26.000	29.653	23.722	91,2%	91,2%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

IV	Thu chuyển nguồn	164.000	164.000	156.011	156.011	95,1%	95,1%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.170.745	11.170.745	2.931.171	2.931.171	26,2%	26,2%
	- Thu bổ sung cân đối	3.433.000	3.433.000	1.748.000	1.748.000	50,9%	50,9%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	7.737.745	7.737.745	1.183.171	1.183.171	15,3%	15,3%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG NĂM 2020

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020			ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	14.942.745	11.201.745	3.741.000	4.557.313	2.722.789	1.834.524	30,5%	0,243068	49,0%
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	1.796.412	1.796.412		794.355	794.355		44,2%	0,44219	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
3	Chi y tế	0			0					
4	Chi văn hóa, thông tin	6.000		6.000	5.350		5.350	89,2%		89,2%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	45.548		45.548	26.902		26.902	59,1%		59,1%
6	Chi thể dục thể thao	5.000		5.000	0			0,0%		0,0%
7	Chi bảo vệ môi trường	0			0					
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.729.978	4.709.978	20.000	1.048.216	1.048.216				
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nh	5.545.359	2.195.355	3.350.004	2.564.266	880.218	1.684.048	46,2%	0,400946	50,3%
10	Chi cho công tác xã hội	2.761.448	2.500.000	261.448	118.224		118.224	4,3%		45,2%
11	Chi khác	0			0					
12	Dự phòng ngân sách	53.000		53.000	0			0,0%		0,0%